

**Phụ lục III**  
**BẢNG HỆ SỐ K ĐỐI VỚI ĐẤT THUỘC KHU VỰC ĐÔ THỊ**  
 (Kèm theo Quyết định số: 01 /2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ	
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp		
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT</b>						
<b>A.</b>	<b>Đường loại 1:</b>						
1	Bác sĩ Yersin	Ngã 6	Đại lộ Bình Dương	2,3	1,2		
2	Bạch Đằng	Nguyễn Tri Phương	Cầu ông Kiềm	2,3	1,2		
3	Cách Mạng Tháng Tám	Phan Đình Giót	Mũi Dùi	2,3	1,2		
4	Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13)	Suối Cát	Ngã 4 Sân Banh	2,3	1,2		
			Ngã 4 Sân Banh	Mũi Dùi	2,3	1,2	
		Mũi Dùi	Suối Giữa (Ranh Hiệp Thành - Định Hòa)	2,3	1,2		
5	Điều Ong	Bạch Đằng	Ngô Tùng Châu	2,0	1,1		
6	Đình Bộ Lĩnh	Bạch Đằng	Trần Hưng Đạo	2,3	1,2		
7	Đoàn Trần Nghiệp	Hùng Vương	Bạch Đằng	2,3	1,2		
8	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	Cách Mạng Tháng Tám	2,3	1,2		
9	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	Quang Trung	2,3	1,2		
10	Nguyễn Du	Cách Mạng Tháng Tám	BS Yersin	2,3	1,2		
11	Nguyễn Thái Học	Lê Lợi	Bạch Đằng	2,3	1,2		
12	Quang Trung	Ngã 6	Cổng UBND thành phố Thủ Dầu Một	2,3	1,2		
13	Trần Hưng Đạo	Ngã 6	Lê Lợi	2,3	1,2		
<b>B.</b>	<b>Đường loại 2:</b>						
1	Bà Triệu	Hùng Vương	Trừ Văn Thố	2,0	1,2		


STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
2	Bạch Đằng	Cầu ông Kiềm	Công Trường Sỹ quan công binh + Nguyễn Văn Tiết	2,0	1,2	
3	Cách Mạng Tháng Tám	Phan Đình Giót	Lê Hồng Phong	2,0	1,2	
4	Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13)	Suối Giữa (Ranh Hiệp Thành - Định Hòa)	Ranh Tân Định - Bến Cát	2,0	1,2	
5	Hai Bà Trưng	Văn Công Khai	Đoàn Trần Nghiệp	2,0	1,2	
6	Huỳnh Văn Cù	Ngã 4 chợ Cây Dừa	Đại lộ Bình Dương	2,0	1,2	
7	Huỳnh Văn Lũy (ĐT-742)	Đại lộ Bình Dương	Cuối đường Lê Hồng Phong (Ngã 3 Phú Thuận)	2,0	1,2	
		Cuối đường Lê Hồng Phong (Ngã 3 Phú Thuận)	Ranh phường Phú Lợi - phường Phú Mỹ	2,0	1,2	
		Ranh Phú Lợi - Phú Mỹ	Ranh khu liên hợp	1,9	1,2	
8	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thái Học	Văn Công Khai	2,0	1,2	
		Văn Công Khai	Cách Mạng Tháng Tám	2,0	1,2	
9	Ngô Quyền	Bạch Đằng	Phạm Ngũ Lão	2,0	1,2	
10	Ngô Tùng Châu	Nguyễn Thái Học	Đình Bộ Lĩnh	2,0	1,2	
11	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Hưng Đạo	Võ Thành Long	2,0	1,2	
12	Nguyễn Trãi	Cách Mạng Tháng Tám	Hùng Vương	2,0	1,2	
13	Nguyễn Tri Phương	Cầu Thầy Năng	Cầu Thủ Ngự	1,9	1,1	
14	Phan Đình Giót	Thích Quảng Đức	Cách Mạng Tháng Tám	2,0	1,2	
15	Phú Lợi (ĐT-743)	Đại lộ Bình Dương	Lê Hồng Phong	2,2	1,4	
16	Thầy Giáo Chương	Cách Mạng Tháng Tám	Hùng Vương	2,0	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
17	Thích Quảng Đức	Cách Mạng Tháng Tám	Đường 30/4	2,0	1,2	
18	Trần Tử Bình	Lý Thường Kiệt	Cách Mạng Tháng Tám	2,0	1,2	
19	Trừ Văn Thố	Văn Công Khai	Đình Bộ Lĩnh	2,0	1,2	
20	Văn Công Khai	Hùng Vương	Bàu Bàng	2,0	1,2	
21	Võ Thành Long	BS Yersin	Thích Quảng Đức	2,0	1,2	
		Võ Thành Long	Cách Mạng Tháng Tám	1,8	1,2	
<b>C. Đường loại 3:</b>						
1	Bùi Thị Xuân	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	1,0	1,1	
2	Cách Mạng Tháng Tám	Lê Hồng Phong	Ranh Thuận An	1,9	1,2	
3	Cao Thắng	Chu Văn An	Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lực 7)	1,0	1,1	
4	Chu Văn An (Vòng xoay)	Đường XT1A	Đường XT1A	1,0	1,1	
5	D1 (đường phố chính của Khu dân cư Phú Hòa 1)	Lê Hồng Phong	Trần Văn Ôn	1,8	1,2	
6	Duy Tân	Chu Văn An	Võ Văn Tần	1,0	1,1	
7	Đồng Khởi	Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lực 7)	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	1,0	1,1	
8	Đường 30/4	Phú Lợi	Cách Mạng Tháng Tám	1,9	1,2	
		Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Tri Phương	1,8	1,2	
9	Đường DB12, DA7 (Khu liên hợp)			1,3	1,1	
10	Đường DT6 (Lê Lợi)	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	1,0	1,1	
11	Đường nội bộ Khu dân cư Chánh Nghĩa	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,9	1,2	
		Bề rộng mặt đường dưới 9m		1,8	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
12	Đường XT1A (Hùng Vương)	Võ Văn Kiệt (Tạo lực 6)	Chu Văn An	1,0	1,1	
13	ĐX-001 (Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung)	Phạm Ngọc Thạch	Trần Ngọc Lân	1,4	1,2	
		Trần Ngọc Lân	Võ Văn Kiệt (Tạo lực 6)	1,4	1,2	
14	Hoàng Hoa Thám	Đại lộ Bình Dương	Đại lộ Bình Dương	1,8	1,2	
15	Hoàng Sa	Lê Duẩn	Trường Sa	1,0	1,1	
16	Hoàng Văn Thụ	Thích Quảng Đức	Cuối tuyến (đường N9)	1,9	1,2	
17	Huỳnh Thúc Kháng	Đường DM2	Lý Thái Tổ (Tạo lực 4)	1,0	1,1	
18	Huỳnh Văn Cù	Cầu Phú Cường	Ngã 4 chợ Cây Dừa	1,9	1,2	
19	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	Ranh Phú Mỹ	Ranh Phú Chánh	1,9	1,2	
20	Hữu Nghị	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lực 3)	Phạm Văn Đồng	1,0	1,1	
21	Lê Duẩn	Chu Văn An	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lực 3)	1,0	1,1	
22	Lê Hoàn	Chu Văn An	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	1,0	1,1	
23	Lê Hồng Phong	Huỳnh Văn Lũy	Cách Mạng Tháng Tám	1,9	1,2	
24	Lê Văn Tám	Nguyễn Trãi	Thầy Giáo Chương	1,9	1,2	
25	Lý Thái Tổ (Tạo lực 4)	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	1,8	1,2	
26	Nam Kỳ khởi Nghĩa (trừ đất thuộc KCN Mapletree)	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	Tạo lực 6 (Võ Văn Kiệt)	1,8	1,2	
27	Ngô Chí Quốc	Ngô Quyền	Nguyễn Văn Tiết	1,9	1,2	
28	Ngô Gia Tự	Đại lộ Bình Dương	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh	1,9	1,2	
29	Nguyễn An Ninh	Cách Mạng Tháng Tám	Lý Thường Kiệt	1,9	1,2	
30	Nguyễn Thị Định	Tôn Đức Thắng	Lê Hoàn	1,0	1,1	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
31	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	1,8	1,2	
32	Nguyễn Văn Tiết	Đại lộ Bình Dương	Cách Mạng Tháng Tám	1,9	1,2	
		Cách Mạng Tháng Tám	Bạch Đằng	1,8	1,2	
33	Nguyễn Văn Thành	Ngã 4 Sờ Sao	Ranh Hòa Lợi	1,7	1,2	
34	Phạm Hùng	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	Tôn Đức Thắng	1,0	1,1	
35	Phạm Ngọc Thạch	Đại lộ Bình Dương	Nguyễn Đức Thuận	1,5	1,1	
		Nguyễn Đức Thuận	Huỳnh Văn Lũy	1,3	1,2	
36	Phạm Ngũ Lão	BS Yersin	Đại lộ Bình Dương	1,9	1,2	
37	Phạm Văn Đồng (trừ đất thuộc KCN Mapletree)	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lực 3)	1,0	1,1	
38	Phú Lợi (ĐT-743)	Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Minh Khai	1,9	1,2	
39	Tôn Đức Thắng (trừ đất thuộc KCN Mapletree)	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lực 3)	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	1,0	1,1	
40	Tuyến nhánh Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Rạch Thầy Năng	1,7	1,2	
41	Trần Nhân Tông	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	Lê Duẩn	1,0	1,1	
42	Trần Phú	Thích Quảng Đức	Ranh Khu dân cư Chánh Nghĩa	1,9	1,2	
43	Trần Văn Ồn	Phú Lợi	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,1	
44	Trường Sa	Đường XT1A + Đường D3	Võ Văn Kiệt (Tạo lực 6) + Đường XT1A	1,0	1,1	
45	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5, trừ đất thuộc KCN VSIP 2 và KCN Mapletree)	Ranh Khu liên hợp (Hòa Lợi)	Ranh Khu liên hợp (Phú Chánh)	1,4	1,1	
46	Võ Thị Sáu	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	1,0	1,1	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
47	Võ Văn Tần	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	Đồng Khởi	1,0	1,1	
48	Đường nội bộ còn lại thuộc các khu đô thị mới trong Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương (phường Hoà Phú).	Bề rộng mặt đường từ 9 m trở lên		1,0	1,1	
		Bề rộng mặt đường dưới 9 m		1,0	1,1	
<b>D. Đường loại 4:</b>						
1	Âu Cơ	BS Yersin	Cuối tuyến	1,7	1,2	
2	Bầu Bàng	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Tri Phương	1,7	1,2	
3	Bùi Quốc Khánh	Lò Chén	Nguyễn Tri Phương + Đường 30/4	1,7	1,2	
4	Cao Thắng	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	Đường XA3	1,0	1,1	
5	Điện Biên Phủ (Tạo lực 1, trừ đất thuộc các KCN)	Mỹ Phước - Tân Vạn	Nguyễn Văn Linh (Tạo lực 2)	1,0	1,1	
6	Đoàn Thị Liên	Mẫu giáo Đoàn Thị Liên	Lê Hồng Phong	1,7	1,2	
7	Đường Chùa Hội Khánh	BS Yersin	Cty TNHH Hồng Đức	1,7	1,2	
		Cty TNHH Hồng Đức	Cuối tuyến	1,6	1,2	
8	Đường N8 (tổ 8 khu 6, Phú Hòa)	Đường 30/4	Trần Văn Ôn	1,3	1,2	
9	Đường nội bộ khu dân cư Trường Chính trị			1,7	1,2	
10	Đường nội bộ khu ĐC Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương			1,7	1,2	
11	Đường vào Khu dân cư K8	Đại lộ Bình Dương	Khu dân cư Thanh Lễ	1,7	1,2	
12	Đường vào Công ty Shijar	Phú Lợi (ĐT-743)	Cuối tuyến (giáp đường nhựa KDC ARECO)	1,3	1,1	
13	Huỳnh Văn Nghệ	Lê Hồng Phong	Phú Lợi	1,7	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
14	Hữu Nghị	Đường số 1 Định Hòa	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lực 3)	1,0	1,1	
		Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	Đường N2 Hòa Lợi	1,0	1,1	
15	Lào Cai	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Tri Phương	1,7	1,2	
16	Lê Duẩn	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lực 3)	Ranh Khu liên hợp (Hòa Lợi)	1,0	1,1	
17	Lê Hồng Phong	Cách Mạng Tháng Tám	Võ Minh Đức	1,7	1,2	
18	Lê Lai (trừ đất thuộc các KCN)	Ranh KLH, KCN Phú Gia	Ranh Hòa Lợi - Hòa Phú	1,0	1,1	
19	Lê Thị Trung	Huỳnh Văn Lũy	Phú Lợi	1,7	1,2	
20	Lò Chén	Cách Mạng Tháng Tám	Bàu Bàng	1,7	1,2	
21	Lý Thái Tổ (Tạo Lực 4, trừ đất thuộc KCN Sóng Thần 3 và KCN Kim Huy)	Điện Biên Phủ (Tạo lực 1)	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	1,0	1,1	
22	Mỹ Phước - Tân Vạn	Nguyễn Văn Thành	Ranh thị xã Thuận An	1,5	1,2	
23	Nguyễn Bình (Đường từ kho K8 đến Huỳnh Văn Lũy)	Hoàng Hoa Thám	Huỳnh Văn Lũy	1,6	1,2	
24	Nguyễn Chí Thanh	Ngã 3 Suối Giữa	Cầu Ông Cộ	1,5	1,2	
25	Nguyễn Đức Thuận	Đại lộ Bình Dương	Phạm Ngọc Thạch	1,5	1,2	
26	Nguyễn Hữu Cảnh (Đường từ 30/4 đến Lê Hồng Phong)	Đường 30/4 (Sân Banh)	Lê Hồng Phong	1,7	1,2	
27	Nguyễn Thái Bình	Mỹ Phước - Tân Vạn	Ranh Thuận An	1,3	1,1	
28	Nguyễn Thị Minh Khai	Phú Lợi	Ranh Thuận An	1,7	1,2	
29	Nguyễn Tri Phương	Cầu Thủ Ngừ	Đường 30/4	1,7	1,2	
30	Nguyễn Văn Bé (Đường liên khu 11, 12)	Bạch Đằng	Huỳnh Văn Cù	1,6	1,2	
31	Nguyễn Văn Hổn	BS Yersin	Ấu Cơ	1,7	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
32	Nguyễn Văn Lân	Huỳnh Văn Lũy	Đoàn Thị Liên	1,7	1,2	
33	Nguyễn Văn Linh (Tạo Lược 2, trừ đất thuộc KCN Kim Huy)	Ranh Tân Vĩnh Hiệp	Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lược 7)	1,0	1,1	
34	Ngô Văn Trị	Đoàn Thị Liên	Phú Lợi	1,7	1,2	
35	Nguyễn Văn Lộ	Đại Lộ Bình Dương	Huỳnh Văn Cù	1,3	1,1	
36	Nguyễn Văn Trỗi (cũ Phạm Ngũ Lão nối dài)	Đại lộ Bình Dương	Huỳnh Văn Lũy	1,5	1,2	
37	Phạm Hùng	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lược 3)	Ranh Khu liên hợp (Hòa Lợi)	1,0	1,1	
38	Phạm Thị Tân (Đường ngã tư Thành Đội đến đường Huỳnh Văn Lũy)	Hoàng Hoa Thám	Huỳnh Văn Lũy	1,6	1,2	
39	Phạm Văn Đồng	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lược 3)	Ranh Khu liên hợp (Hòa Lợi)	1,0	1,1	
40	Phú Lợi (ĐT-743)	Nguyễn Thị Minh Khai	Ranh Thuận An	1,7	1,2	
41	Tôn Đức Thắng	Võ Nguyên Giáp (Tạo lược 5)	Đường NH9 Khu Hòa Lợi	1,0	1,1	
42	Tô Vĩnh Diện (cũ đường nhánh Phạm Ngũ Lão nối dài)	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Văn Trỗi	1,4	1,1	
43	Tú Xương	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Văn Tiết	1,7	1,2	
44	Trần Bình Trọng	Cách Mạng Tháng Tám	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,2	
45	Trần Ngọc Lân	Đại lộ Bình Dương	Cầu Cháy	1,5	1,2	
46	Trần Phú	Ranh Khu dân cư Chánh Nghĩa	Đường 30/4	1,7	1,2	
47	Trịnh Hoài Đức	Ngô Văn Trị	Cuối tuyến	1,7	1,2	
48	Trường Chinh	Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lược 7)	Đường số 9 Phú Chánh A	1,0	1,1	
49	Võ Minh Đức	Đường 30/4	Lê Hồng Phong	1,7	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
50	Võ Văn Kiệt (Tạo Lược 6, trừ đất thuộc KCN Sóng Thần 3)	Điện Biên Phủ (Tạo lược 1)	Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lược 7)	1,0	1,1	
		Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lược 7)	Ranh Định Hòa - Hòa Phú	1,0	1,1	
		Ranh Định Hòa - Hòa Phú	Đại lộ Bình Dương	1,0	1,1	
51	Đường nội bộ trong các khu thương mại, khu dịch vụ, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư còn lại.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,2	1,2	
		Bề rộng mặt đường từ 6m đến dưới 9m		1,2	1,2	
		Bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 6m		1,2	1,2	
<b>E.</b>	<b>Đường loại 5:</b>					
1	An Mỹ - Phú Mỹ (cũ An Mỹ)	Huỳnh Văn Lũy	Ranh Khu Công nghiệp Đại Đăng	1,3	1,2	
2	An Mỹ - Phú Mỹ nối dài (cũ An Mỹ nối dài)	An Mỹ - Phú Mỹ	An Mỹ - Phú Mỹ nối dài, ĐX-002	1,3	1,2	
3	Bùi Ngọc Thu	Đại lộ Bình Dương	Nguyễn Chí Thanh	1,3	1,2	
		Nguyễn Chí Thanh	Hồ Văn Cống	1,3	1,2	
4	Bùi Văn Bình	Phú Lợi	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,3	1,2	
5	Điện Biên Phủ (Tạo lược 1, đất thuộc các KCN)	Mỹ Phước - Tân Vạn	Nguyễn Văn Linh (Tạo lược 2)	1,0	1,1	
6	Đồng Cây Việt	Huỳnh Văn Lũy	Đường N1 (KCN Đại Đăng)	1,3	1,2	
7	Đường 1/12 (Đường vào nhà tù Phú Lợi)	Phú Lợi	Khu di tích nhà tù Phú Lợi	1,3	1,2	
8	Đường Mọi Chợ (ĐX-104)	Bùi Ngọc Thu	Đại lộ Bình Dương	1,3	1,2	
9	Đường N6 (đường Liên khu 6, 7 8, 9, Phú Hòa)	Trần Văn Ôn	Lê Hồng Phong	1,3	1,2	
10	ĐX-001	Mỹ Phước - Tân Vạn	Phạm Ngọc Thạch	1,3	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
11	ĐX-002	Huỳnh Văn Lũy	An Mỹ - Phú Mỹ nối dài	1,3	1,2	
		An Mỹ - Phú Mỹ nối dài	Đồng Cây Việt	1,3	1,2	
12	ĐX-003	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-001	1,3	1,2	
13	ĐX-004	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-001	1,3	1,2	
14	ĐX-005	Huỳnh Văn Lũy	Nhà ông Khương	1,3	1,2	
		Nhà ông Khương	ĐX-006	1,3	1,2	
15	ĐX-006	ĐX-002	Khu liên hợp	1,3	1,2	
16	ĐX-007	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-002	1,4	1,3	
17	ĐX-008	ĐX-002	ĐX-058	1,3	1,2	
18	ĐX-009	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-002	1,4	1,3	
19	ĐX-010	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-002	1,4	1,3	
20	ĐX-011	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-002	1,4	1,3	
21	ĐX-012	An Mỹ - Phú Mỹ nối dài	Huỳnh Văn Lũy	1,4	1,3	
22	ĐX-013	An Mỹ - Phú Mỹ	ĐX-002	1,3	1,2	
23	ĐX-014	An Mỹ - Phú Mỹ	An Mỹ - Phú Mỹ nối dài	1,3	1,2	
24	ĐX-015	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-014	1,3	1,2	
25	ĐX-016	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-014	1,3	1,2	
26	ĐX-017	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-014	1,3	1,2	
27	ĐX-018	ĐX-014	An Mỹ - Phú Mỹ nối dài	1,3	1,2	
28	ĐX-018 (nhánh)	ĐX-018	ĐX-002	1,3	1,2	
29	ĐX-019	ĐX-014	ĐX-002	1,3	1,2	
30	ĐX-020	ĐX-021	Huỳnh Văn Lũy	1,3	1,2	
31	ĐX-021	Huỳnh Văn Lũy	An Mỹ - Phú Mỹ	1,3	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
32	ĐX-022	ĐX-023	An Mỹ - Phú Mỹ	1,3	1,2	
33	ĐX-023	An Mỹ - Phú Mỹ	ĐX-026	1,3	1,2	
34	ĐX-023 (nhánh)	ĐX-023	ĐX-025	1,3	1,2	
35	ĐX-024	ĐX-022	ĐX-025	1,3	1,2	
36	ĐX-025	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-002	1,3	1,2	
37	ĐX-026	Huỳnh Văn Lũy	Đồng Cây Viêt	1,3	1,2	
38	ĐX-027	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-026	1,3	1,2	
		ĐX-026	ĐX-002	1,3	1,2	
39	ĐX-028	Huỳnh Văn Lũy	Đồng Cây Viêt	1,3	1,2	
40	ĐX-029	ĐX-027	Đồng Cây Viêt	1,3	1,2	
41	ĐX-030	ĐX-026	ĐX-002	1,3	1,2	
42	ĐX-031	ĐX-013	Khu tái định cư Phú Mỹ	1,3	1,2	
43	ĐX-032	Đồng Cây Viêt	ĐX-033	1,3	1,2	
44	ĐX-033	Đồng Cây Viêt	ĐX-038	1,3	1,2	
45	ĐX-034	Đồng Cây Viêt	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,3	1,2	
46	ĐX-035	ĐX-034	Đồng Cây Viêt	1,3	1,2	
47	ĐX-036	Đồng Cây Viêt	ĐX-037	1,3	1,2	
48	ĐX-037	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-034	1,3	1,2	
49	ĐX-038	ĐX-034	KCN Đại Đăng	1,3	1,2	
50	ĐX-039	ĐX-037	ĐX-038	1,3	1,2	
51	ĐX-040	Phạm Ngọc Thạch	Sân golf	1,3	1,2	
52	ĐX-041	ĐX-043	ĐX-044	1,3	1,2	
53	ĐX-042	ĐX-044	ĐX-043	1,3	1,2	
54	ĐX-043	Phạm Ngọc Thạch	ĐX-042	1,3	1,2	
55	ĐX-044	Phạm Ngọc Thạch	ĐX-043	1,3	1,2	
56	ĐX-045	Huỳnh Văn Lũy	Phạm Ngọc Thạch	1,3	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
57	ĐX-046	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-001	1,3	1,2	
58	ĐX-047	ĐX-001	Phạm Ngọc Thạch	1,3	1,2	
59	ĐX-048	Huỳnh Văn Lũy	ĐX-001	1,3	1,2	
60	ĐX-049	Huỳnh Văn Lũy	Ông Út Gìn	1,3	1,2	
61	ĐX-050	Huỳnh Văn Lũy	Phạm Ngọc Thạch	1,3	1,2	
62	ĐX-051	Phạm Ngọc Thạch	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,3	1,2	
63	ĐX-052	Khu liên hợp	ĐX-054	1,3	1,2	
64	ĐX-054	An Mỹ - Phú Mỹ	ĐX-013	1,3	1,2	
65	ĐX-055	ĐX-001	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,3	1,2	
66	ĐX-056	ĐX-040	Xưởng Phạm Đức	1,3	1,2	
67	ĐX-057	ĐX-040	Xưởng giấy	1,3	1,2	
68	ĐX-058	ĐX-006	Khu liên hợp	1,3	1,2	
69	ĐX-059	ĐX-054	Khu liên hợp	1,3	1,2	
70	ĐX-060	ĐX-013	ĐX-002	1,3	1,2	
71	ĐX-061	Nguyễn Văn Thành	ĐX-062	1,3	1,2	
72	ĐX-062	Nguyễn Văn Thành	Ranh Khu liên hợp	1,3	1,2	
73	ĐX-063	Truong Bồng Bồng	Ranh Khu liên hợp	1,3	1,2	
74	ĐX-064	Nguyễn Văn Thành	Ranh Khu liên hợp	1,3	1,2	
75	ĐX-065	Nguyễn Văn Thành	Trần Ngọc Lên	1,3	1,2	
76	ĐX-066	Nguyễn Văn Thành	ĐX-069	1,3	1,2	
77	ĐX-067	Nguyễn Văn Thành	ĐX-069	1,3	1,2	
78	ĐX-068	Nguyễn Văn Thành	ĐX-069	1,3	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
79	ĐX-069	Đại lộ Bình Dương	ĐX-065	1,3	1,2	
80	ĐX-070	Đại lộ Bình Dương	Cuối tuyến	1,3	1,2	
81	ĐX-071	Đại lộ Bình Dương	ĐX-065	1,3	1,2	
82	ĐX-072	Đại lộ Bình Dương	ĐX-071	1,3	1,2	
83	ĐX-073	Trần Ngọc Lên	ĐX-071	1,3	1,2	
84	ĐX-074	Đại lộ Bình Dương	ĐX-073	1,3	1,2	
85	ĐX-075	Trần Ngọc Lên	ĐX-065	1,3	1,2	
86	ĐX-076	Trần Ngọc Lên	ĐX-081	1,3	1,2	
87	ĐX-077	ĐX-082	ĐX-078	1,3	1,2	
88	ĐX-078	Đại lộ Bình Dương	Ranh Khu liên hợp	1,3	1,2	
89	ĐX-079	ĐX-082	ĐX-078	1,3	1,2	
90	ĐX-080 (KP1 - KP2)	ĐX-082	Trần Ngọc Lên	1,3	1,2	
91	ĐX-081	Đại lộ Bình Dương	ĐX-082	1,3	1,2	
92	ĐX-082 (Cây Dầu Đồi)	Đại lộ Bình Dương	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,3	1,2	
		Mỹ Phước - Tân Vạn	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,3	1,2	
		Mỹ Phước - Tân Vạn	Trần Ngọc Lên	1,3	1,2	
93	ĐX-083	Đại lộ Bình Dương	ĐX-082	1,3	1,2	
94	ĐX-084	Đại lộ Bình Dương	ĐX-083	1,3	1,2	
95	ĐX-085	Khu hành chính phường Hiệp An, ĐX-087	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
96	ĐX-086	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Chí Thanh	1,3	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
97	ĐX-087	Nguyễn Chí Thanh	Khu Hành chính phường Hiệp An	1,3	1,2	
98	ĐX-088	Đường khu hành chính Hiệp An	Đại lộ Bình Dương	1,3	1,2	
99	ĐX-089	Phan Đăng Lưu	Khu Hành chính phường Hiệp An	1,3	1,2	
100	ĐX-090	Phan Đăng Lưu	Phan Đăng Lưu	1,3	1,2	
101	ĐX-091	Khu Hành chính phường Hiệp An	Đại lộ Bình Dương	1,3	1,2	
102	ĐX-092	ĐX-088	Phan Đăng Lưu	1,3	1,2	
103	ĐX-093	Phan Đăng Lưu	ĐX-091	1,3	1,2	
104	ĐX-094	Phan Đăng Lưu	ĐX-095	1,3	1,2	
105	ĐX-095	Phan Đăng Lưu	Nguyễn Chí Thanh	1,3	1,2	
106	ĐX-096	Nguyễn Chí Thanh	Huỳnh Thị Châu	1,3	1,2	
107	ĐX-097	Phan Đăng Lưu	Bùi Ngọc Thu	1,3	1,2	
108	ĐX-098	Huỳnh Thị Châu	Bùi Ngọc Thu	1,3	1,2	
109	ĐX-099	ĐX-095	Bùi Ngọc Thu	1,3	1,2	
110	ĐX-100	Phan Đăng Lưu	Phan Đăng Lưu	1,3	1,2	
111	ĐX-101	ĐX-102	Đại lộ Bình Dương	1,3	1,2	
112	ĐX-102	ĐX-101	Nguyễn Chí Thanh	1,3	1,2	
113	ĐX-105	Đại lộ Bình Dương	Đại lộ Bình Dương	1,3	1,2	
114	ĐX-106	ĐX-101	Đại lộ Bình Dương	1,3	1,2	
115	ĐX-108	Huỳnh Thị Hiếu	Tư Bệt	1,2	1,1	
116	ĐX-109	Nguyễn Chí Thanh	Bà Quý	1,2	1,1	
117	ĐX-110	Văn phòng khu phố 9	Huỳnh Thị Hiếu	1,2	1,1	
118	ĐX-111	Nguyễn Chí Thanh	Văn phòng khu phố 8	1,2	1,1	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
119	ĐX-112	Nguyễn Chí Thanh	Huỳnh Thị Hiếu	1,2	1,1	
120	ĐX-113	ĐX-133	ĐX-117	1,2	1,1	
121	ĐX-114	Bờ bao	Hoàng Đình Bôi	1,2	1,1	
122	ĐX-115	Lê Chí Dân	Phan Đăng Lưu	1,2	1,1	
123	ĐX-117	Phan Đăng Lưu	ĐX-119	1,2	1,1	
124	ĐX-118	Phan Đăng Lưu	6 Mai	1,2	1,1	
125	ĐX-119	Phan Đăng Lưu	ĐX-117	1,2	1,1	
126	ĐX-120	Huỳnh Thị Hiếu	8 Vân	1,2	1,1	
127	ĐX-121	Huỳnh Thị Hiếu	Cầu ông Bôi	1,2	1,1	
128	ĐX-122	6 Ến	2 Phen	1,2	1,1	
129	ĐX-123	Huỳnh Thị Hiếu	Ông 2 Xe	1,2	1,1	
130	ĐX-124	Huỳnh Thị Hiếu	Rạch Bàu	1,1	1,1	
131	ĐX-125	Huỳnh Thị Hiếu	Cuối tuyến	1,2	1,1	
132	ĐX-126	Huỳnh Thị Hiếu	4 Thanh	1,2	1,1	
133	ĐX-127	Lê Chí Dân	Cuối tuyến	1,2	1,1	
134	ĐX-128	Huỳnh Thị Hiếu	Cầu 3 Tuổi	1,2	1,1	
135	ĐX-129	Huỳnh Thị Hiếu	Út Văn	1,2	1,1	
136	ĐX-130	Phan Đăng Lưu	7 Xuyên	1,2	1,1	
137	ĐX-131	Lê Chí Dân	Ông 8 Trình	1,2	1,1	
138	ĐX-132	Lê Chí Dân	Huỳnh Thị Hiếu	1,2	1,1	
139	ĐX-133	Phan Đăng Lưu	Lê Chí Dân	1,2	1,1	
140	ĐX-134	Lê Chí Dân	7 Đài	1,2	1,1	
141	ĐX-139	Phan Đăng Lưu	Bà Chè	1,2	1,1	
142	ĐX-141	Công Đình	Cầu ván	1,2	1,1	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
143	ĐX-142	Nguyễn Chí Thanh	Trường Đông Nam	1,3	1,2	
144	ĐX-143	Nguyễn Chí Thanh	Hồ Văn Cống	1,3	1,2	
145	ĐX-144	Nguyễn Chí Thanh	Hồ Văn Cống	1,3	1,2	
146	ĐX-145	Nguyễn Chí Thanh	Bùi Ngọc Thu	1,3	1,2	
147	ĐX-146	Phan Đăng Lưu	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
148	ĐX-148	Lê Văn Tách	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
149	ĐX-149	Lê Văn Tách	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
150	ĐX-150	Hồ Văn Cống	Lê Văn Tách	1,3	1,2	
151	Hồ Văn Cống	Đại lộ Bình Dương	Phan Đăng Lưu	1,3	1,2	
152	Huỳnh Thị Châu	Bùi Ngọc Thu	Phan Đăng Lưu	1,3	1,2	
153	Huỳnh Thị Hiếu	Nguyễn Chí Thanh	Rạch Bến Chành	1,3	1,2	
154	Hữu Nghị	Phạm Văn Đồng	Võ Nguyên Giáp (Tạo lực 5)	1,0	1,1	
155	Lạc Long Quân	Nguyễn Văn Tiết	Tiểu chủng viện Thiên Chúa giáo (trường Đàng cũ)	1,3	1,2	
156	Lê Chí Dân	Đại lộ Bình Dương	Nguyễn Chí Thanh	1,5	1,2	
		Nguyễn Chí Thanh	Hồ Văn Cống	1,3	1,2	
157	Lê Lai (đất thuộc các KCN)	Ranh KLH, KCN Phú Gia	Ranh Hòa Lợi - Hòa Phú	1,0	1,1	
158	Lê Văn Tách	Hồ Văn Cống	Cuối tuyến	1,3	1,2	
159	Lò Lu	Hồ Văn Cống	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
160	Lý Thái Tổ (Tạo Lực 4, đất thuộc KCN Sóng Thần 3 và KCN Kim Huy)	Điện Biên Phủ (Tạo lực 1)	Huỳnh Văn Lũy (Tạo lực 7)	1,0	1,1	
161	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tri Phương	Phan Bội Châu	1,3	1,2	
162	Mạc Đĩnh Chi (ĐX-124)	Lê Chí Dân	Huỳnh Thị Hiếu	1,2	1,1	
163	Mội Thầy Thơ (ĐX-103)	Bùi Ngọc Thu	ĐX-105	1,3	1,2	
164	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đất thuộc KCN Mapletree)	Võ Nguyên Giáp (Tạo Lực 5)	NT9 (Khu liên hợp)	1,2	1,1	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
165	Nguyễn Đức Cảnh (Đường vào khu hành chính phường Hiệp An)	Phan Đăng Lưu	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
166	Nguyễn Văn Cừ	Huỳnh Văn Cù	Lê Chí Dân	1,3	1,2	
167	Nguyễn Văn Linh (Tạo Lược 2, đất thuộc các KCN)	Ranh Tân Vĩnh Hiệp	Huỳnh Văn Lũy (Tạo Lược 7)	1,0	1,1	
		Võ Nguyên Giáp (Tạo lược 5)	Ranh Hòa Lợi	1,0	1,1	
168	Ngô Thị Lan (đường Nguyễn Tri Phương ra sông Sài Gòn)	Nguyễn Tri Phương	Sông Sài Gòn	1,3	1,2	
169	Phạm Hùng	Tôn Đức Thắng	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lược 3)	1,0	1,1	
170	Phạm Văn Đồng (đất thuộc KCN Mapletree)	Tôn Đức Thắng	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lược 3)	1,0	1,1	
171	Phan Bội Châu	Võ Minh Đức	Cảng Bà Lụa	1,3	1,2	
172	Phan Đăng Lưu	Đại lộ Bình Dương	Nguyễn Chí Thanh	1,3	1,2	
		Nguyễn Chí Thanh	Huỳnh Thị Hiếu	1,3	1,2	
173	Tôn Đức Thắng (đất thuộc KCN Mapletree)	Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Tạo lược 3)	Võ Nguyên Giáp (Tạo lược 5)	1,0	1,1	
174	Trần Ngọc Lên	Cầu Cháy	Huỳnh Văn Lũy	1,3	1,2	
175	Truong Bông Bông	Nguyễn Văn Thành	Nghĩa trang Truong Bông Bông	1,3	1,2	
176	Trương Định (Đường Khu Hoàng Hoa Thám)	Đường vào Khu dân cư K8	Nguyễn Văn Trỗi	1,3	1,2	
177	Võ Nguyên Giáp (Tạo lược 5, đất thuộc KCN VSIP 2 và KCN Mapletree)	Ranh Khu liên hợp (Hòa Lợi)	Ranh Khu liên hợp (Phủ Chánh)	1,0	1,1	
178	Võ Văn Kiệt (Tạo Lược 6, đất thuộc KCN Sóng Thần 3)	Đường D1 KCN Sóng Thần 3	Đường D2 KCN Sóng Thần 3	1,0	1,1	
179	Xóm Guốc	Phan Bội Châu	Lý Tự Trọng	1,3	1,2	
180	Đường nội bộ trong các khu công nghệ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu chế xuất.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,0	1,0	
		Bề rộng mặt đường từ 6m đến dưới 9m		1,0	1,0	
		Bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 6m		1,0	1,0	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
181	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 1			1,3	1,2	
182	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 1			1,2	1,1	
183	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 1			1,3	1,2	
184	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 1			1,2	1,1	
185	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 2			1,3	1,2	
186	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 2			1,2	1,1	
187	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 2			1,3	1,2	
188	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 2			1,2	1,1	
189	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 3			1,3	1,2	
190	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 3			1,2	1,1	
191	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 3			1,3	1,2	
192	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 3			1,2	1,1	
193	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 4			1,3	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
194	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 4			1,2	1,1	
195	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 4			1,3	1,2	
196	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 4			1,2	1,1	
197	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 5 (đã phân loại, có tên trong các phụ lục)			1,3	1,2	
198	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng từ 4 mét trở lên, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 5 (đã phân loại, có tên trong các phụ lục)			1,2	1,1	
199	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, trong phạm vi dưới 200 mét (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 5 (đã phân loại, có tên trong các phụ lục)			1,3	1,2	
200	Đường hoặc lối đi công cộng có bề rộng dưới 4 mét, phạm vi từ 200 mét trở lên (tính theo đường bộ đến thửa đất) thông ra đường phố loại 5 (đã phân loại, có tên trong các phụ lục)			1,2	1,1	
<b>II THÀNH PHỐ THUẬN AN</b>						
<b>A. Đường loại 1:</b>						
1	Đỗ Hữu Vị	Cách Mạng Tháng Tám	Trung Nữ Vương	2,3	1,3	
2	Cách Mạng Tháng Tám (cũ ĐT-745)	Tua 18	Ngã 3 Cây Liễu	2,3	1,3	
		Cầu Bà Hai	Ngã 4 Cầu Cống	2,3	1,3	
3	Hoàng Hoa Thám	Tua 18	Cầu Phan Đình Phùng	2,3	1,3	
4	Nguyễn Trãi	Đại lộ Bình Dương	Cách Mạng Tháng Tám	2,3	1,3	
5	Nguyễn Văn Tiết	Cách Mạng Tháng Tám	Đại lộ Bình Dương	2,3	1,3	
6	Phan Đình Phùng	Cầu Phan Đình Phùng	Cách Mạng Tháng Tám	2,3	1,3	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
7	Thủ Khoa Huân	Cách Mạng Tháng Tám	Ngã 3 Dốc Sỏi	2,3	1,3	
8	Trung Nữ Vương	Phan Đình Phùng	Cách Mạng Tháng Tám	2,3	1,3	
<b>B. Đường loại 2:</b>						
1	Cách Mạng Tháng Tám (cũ DT-745)	Ngã 3 Mũi Tàu	Tua 18	2,0	1,3	
		Ngã 3 Cây Liễu	Ngã 3 Nhà Đò	2,0	1,3	
		Ngã 4 Cầu Cống	Ranh Thủ Dầu Một	2,0	1,3	
2	Cầu Sắt	Tua 18	Cầu Phú Long cũ	2,0	1,3	
3	Châu Văn Tiếp	Đỗ Thành Nhân	Cầu Sắt	2,0	1,3	
4	Đồ Chiểu	Cầu Sắt	Thủ Khoa Huân	2,0	1,3	
5	Đỗ Hữu Vị	Trung Nữ Vương	Châu Văn Tiếp	2,0	1,3	
6	Gia Long	Cách Mạng Tháng Tám	Cà phê Thủy Linh	2,0	1,3	
7	Lê Văn Duyệt	Cách Mạng Tháng Tám	Đồ Chiểu	2,0	1,2	
8	Nguyễn Huệ	Cách Mạng Tháng Tám	Châu Văn Tiếp	2,0	1,3	
9	Pasteur	Cách Mạng Tháng Tám	Châu Văn Tiếp	2,0	1,3	
10	Thủ Khoa Huân	Ngã 3 Dốc Sỏi	Ngã 4 Hòa Lân	2,0	1,2	
11	Trần Quốc Tuấn	Trung Nữ Vương	Châu Văn Tiếp	2,0	1,3	
12	Trương Vĩnh Ký	Đỗ Thành Nhân	Nguyễn Huệ	2,0	1,3	
13	Võ Tánh	Cách Mạng Tháng Tám	Đồ Chiểu	2,0	1,2	
<b>C. Đường loại 3:</b>						
1	Cách Mạng Tháng Tám (cũ DT-745)	Cầu Bà Hai	Ranh Hưng Định - Bình Nhâm	1,7	1,2	
		Ranh Hưng Định - Bình Nhâm	Ranh Bình Nhâm - Lái Thiêu	1,7	1,2	
2	Châu Văn Tiếp	Cầu Sắt	Sông Sài Gòn	1,9	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
3	Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13)	Ranh Thủ Dầu Một	Ranh Tp.HCM	1,9	1,2	
4	Đỗ Thành Nhân	Nguyễn Trãi	Châu Văn Tiếp	1,9	1,2	
5	Đông Cung Cảnh	Châu Văn Tiếp	Cách Mạng Tháng Tám	1,9	1,2	
6	Đông Nhi	Phan Chu Trinh	Nguyễn Văn Tiết	1,9	1,2	
7	ĐT-743	Ranh Thủ Dầu Một	Ranh Bình Chuẩn - An Phú	1,9	1,3	
		Ranh Bình Chuẩn - An Phú	Ranh KCN Bình Chiểu	1,9	1,3	
8	ĐT-746 (Hoa Sen)	Ngã 3 Bình Quới	Ranh thị xã Tân Uyên	1,9	1,2	
9	ĐT-747B	Ngã 4 chùa Thầy Thỏ	Ranh Thái Hòa (hướng về Chợ Tân Ba)	1,7	1,2	
		Ngã 4 chùa Thầy Thỏ	Ranh phường Tân Phước Khánh	1,7	1,2	
10	Đường 3 tháng 2 (cũ Lái Thiêu 56)	Nguyễn Trãi	Đông Nhi	1,9	1,2	
11	Đường dẫn cầu Phú Long	Đại lộ Bình Dương	Sông Sài Gòn	1,9	1,2	
12	Đường vào Thạnh Bình	Ngã 4 Cống	Ranh KDC An Thạnh	1,9	1,2	
13	Hồ Văn Mên (cũ đường Ngã 4 An Sơn đi Đại lộ Bình Dương)	Cách Mạng Tháng Tám	Đại lộ Bình Dương	1,9	1,2	
14	Lái Thiêu 45	Nguyễn Văn Tiết	Đông Nhi	1,9	1,2	
15	Lê Văn Duyệt	Châu Văn Tiếp	Cách Mạng Tháng Tám	1,9	1,2	
16	Mỹ Phước - Tân Vạn	Ranh Thủ Dầu Một	Ranh Bình Chuẩn - Thuận Giao	1,9	1,2	
		Ranh Bình Chuẩn - Thuận Giao	Ranh Dĩ An	1,9	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
17	Nguyễn Chí Thanh (cũ Triệu Thị Trinh)	Đường nhà thờ Búng	Thạnh Bình	1,9	1,2	
18	Nguyễn Thị Minh Khai	Ranh Thủ Dầu Một	Đại lộ Bình Dương	1,9	1,2	
19	Nội bộ KDC Thạnh Bình (đã hoàn chỉnh về kết cấu hạ tầng)			1,9	1,2	
20	Phan Chu Trinh	Đồng Nhi	Lê Văn Duyệt	1,9	1,2	
21	Phan Thanh Gián	Phan Đình Phùng	Ngã 4 Lê Văn Duyệt	1,9	1,2	
		Ngã 4 Lê Văn Duyệt	Cách Mạng Tháng Tám	1,9	1,2	
22	Thủ Khoa Huân (Thuận Giao - Bình Chuẩn)	Ngã tư Hòa Lân	Ngã 4 Bình Chuẩn	1,9	1,2	
23	Bình Chuẩn - Tân Phước Khánh (Lý Tự Trọng, ĐH-403)	Ngã 4 Bình Chuẩn	Ranh phường Tân Phước Khánh	1,9	1,2	
<b>D. Đường loại 4:</b>						
1	An Thạnh 06	Cách Mạng Tháng Tám	Rẫy xe lửa	1,7	1,2	
2	An Thạnh 10	Cách Mạng Tháng Tám	An Thạnh 24	1,7	1,2	
3	An Thạnh 16	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Búng	1,7	1,2	
4	An Thạnh 17	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Búng	1,7	1,2	
5	An Thạnh 19	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Búng	1,7	1,2	
6	An Thạnh 20	Cách Mạng Tháng Tám	Rẫy xe lửa	1,7	1,2	
7	An Thạnh 21	Cách Mạng Tháng Tám	Thạnh Quý	1,7	1,2	
8	An Thạnh 22	Hồ Văn Mên	Nhà ông tám Trên	1,7	1,2	
9	An Thạnh 23	Hồ Văn Mên	Nhà ông Thành	1,7	1,2	
10	An Thạnh 24	Hồ Văn Mên	Ranh Thủ Dầu Một	1,7	1,2	
11	An Thạnh 29	Hồ Văn Mên	Rạch Suối Cát	1,7	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
12	An Thạnh 34	Hồ Văn Mên	Rạch Mương Trâm	1,7	1,2	
13	An Thạnh 39	Thạnh Quý	Ranh Hưng Định - An Sơn	1,7	1,2	
14	An Thạnh 42	Thạnh Quý	Hưng Định 06	1,7	1,2	
15	An Thạnh 46	Đồ Chiểu	Vựa Bụi	1,7	1,2	
16	An Thạnh 47	Thạnh Bình	Nhà Út Lân	1,7	1,2	
17	An Thạnh 50	Thạnh Bình	Nhà Bà Cam	1,7	1,2	
18	An Thạnh 54	Thạnh Bình	Nhà ông Tư Mỡ	1,7	1,2	
19	An Thạnh 61	Thủ Khoa Huân	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	1,7	1,2	
20	An Thạnh 64	Thủ Khoa Huân	Đường Nhà thờ Búng	1,7	1,2	
21	An Thạnh 66	Thủ Khoa Huân	An Thạnh 68	1,7	1,2	
22	An Thạnh 68	Thủ Khoa Huân	An Thạnh 66	1,7	1,2	
23	An Thạnh 69	Thủ Khoa Huân	Chùa Thiên Hoà	1,7	1,2	
24	An Thạnh 72	Thủ Khoa Huân	Ranh Hưng Định	1,7	1,2	
25	An Thạnh 73	Thủ Khoa Huân	Ranh Hưng Định	1,7	1,2	
26	Bình Đức (cũ Đường vào nhà thờ Lái Thiêu)	Cách Mạng Tháng Tám	Phan Thanh Giản	1,7	1,2	
27	Bình Hòa 24 (Bình Hòa 22)	Đồng An	KCN Đồng An	1,7	1,3	
28	Bình Hòa 25 (Bình Hòa 20)	ĐT-743C	Công ty P&G	1,7	1,3	
29	Bình Hòa 26 (Bình Hòa 21)	ĐT-743C	KCN Đồng An	1,7	1,3	
30	Bình Hòa 27 (Đường Lô 11)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	
31	Bình Hòa 28 (Đường Lô 12)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	
32	Bình Hòa 29 (Đường Lô 13)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	
33	Bình Hòa 30 (Đường Lô 14A)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	
34	Bình Hòa 31 (Đường Lô 14B)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
35	Bình Hòa 32 (Đường Lô 15)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	
36	Bình Hòa 33 (Đường Lô 16)	ĐT-743C	Bình Hòa 25	1,7	1,3	
37	Bùi Hữu Nghĩa (Bình Đức - Bình Đáng)	Đại lộ Bình Dương	Nguyễn Du	1,7	1,2	
38	Bùi Thị Xuân (cũ An Phú - Thái Hòa)	Ngã 6 An Phú	Ranh Thị xã Tân Uyên (Thái Hòa)	1,7	1,3	
39	Chòm Sao	Đại lộ Bình Dương	Ranh Thuận Giao - Hung Định	1,7	1,2	
		Ranh Thuận Giao - Hung Định	Đường Nhà thờ Búng	1,7	1,2	
40	Đi vào hồ tắm Bạch Đằng	Nguyễn Trãi	Rạch Lái Thiêu	1,7	1,2	
41	Đồng An (Tinh lộ 43, Gò Dưa - Tam Bình)	ĐT-743C	Ranh Bình Chiểu (Thủ Đức)	1,7	1,2	
42	ĐT-743C (Lái Thiêu - Dĩ An)	Ngã 4 cầu ông Bó	Ngã tư 550	1,7	1,2	
43	Đường 22 tháng 12 (Thuận Giao - An Phú + Đất Thánh)	Thủ Khoa Huân	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,2	
		Đại Lộ Bình Dương	Ngã 6 An Phú	1,7	1,2	
44	Đường 3 tháng 2 (cũ đường đi Sân vận động + đường vào xí nghiệp 3/2 + đường Liên xã)	Nguyễn Trãi	Giáp Trường tiểu học Phan Chu Trinh	1,7	1,2	
		Đông Nhi	Nguyễn Văn Tiết	1,7	1,2	
		Nguyễn Văn Tiết	Trương Định	1,7	1,2	
45	Đường Nhà thờ Búng	Cầu Bà Hai	Thủ Khoa Huân	1,7	1,2	
46	Đường vào Quảng Hòa Xương	Nguyễn Trãi	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,2	
47	Gia Long (nối dài)	Cách Mạng Tháng Tám	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,3	
48	Hồ Văn Mên (cũ Hương lộ 9)	Ngã 4 An Sơn	Giáp ranh An Sơn	1,7	1,2	
49	Lái Thiêu 01	Nguyễn Văn Tiết	Lái Thiêu 21	1,7	1,3	
50	Lái Thiêu 02	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
51	Lái Thiêu 03	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	
52	Lái Thiêu 04	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	
53	Lái Thiêu 05	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	
54	Lái Thiêu 06	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	
55	Lái Thiêu 07	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	
56	Lái Thiêu 08	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 09	1,7	1,3	
57	Lái Thiêu 09	Nguyễn Văn Tiết	Lái Thiêu 21	1,7	1,3	
58	Lái Thiêu 10	Lái Thiêu 09	Lái Thiêu 14	1,7	1,3	
59	Lái Thiêu 11	Lái Thiêu 09	Lái Thiêu 14	1,7	1,3	
60	Lái Thiêu 12	Lái Thiêu 09	Lái Thiêu 14	1,7	1,3	
61	Lái Thiêu 13	Lái Thiêu 09	Lái Thiêu 14	1,7	1,3	
62	Lái Thiêu 14	Nguyễn Văn Tiết	Lái Thiêu 21	1,7	1,3	
63	Lái Thiêu 15	Lái Thiêu 14	Cuối hẻm	1,7	1,3	
64	Lái Thiêu 16	Lái Thiêu 14	Cuối hẻm	1,7	1,3	
65	Lái Thiêu 17	Lái Thiêu 14	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,3	
66	Lái Thiêu 18	Lái Thiêu 14	Cuối hẻm	1,7	1,3	
67	Lái Thiêu 19	Lái Thiêu 14	Cuối hẻm	1,7	1,3	
68	Lái Thiêu 20	Lái Thiêu 14	Cuối hẻm	1,7	1,3	
69	Lái Thiêu 21	Lái Thiêu 01	Lái Thiêu 17	1,7	1,3	
70	Lái Thiêu 27	Cách Mạng Tháng Tám	Liên xã	1,7	1,2	
71	Lái Thiêu 39	Đồng Nhi	Cuối hẻm (Lò ông Muối)	1,7	1,2	
72	Lái Thiêu 41	Đồng Nhi	Lái Thiêu 45 (Đường D3)	1,7	1,2	
73	Lái Thiêu 47	Đồng Nhi	Khu liên hợp (Gò cát)	1,7	1,2	
74	Lái Thiêu 49	Đồng Nhi	Khu liên hợp (Gò cát)	1,7	1,2	
75	Lái Thiêu 50	Đồng Nhi	Khu liên hợp (Gò cát)	1,7	1,2	
76	Lái Thiêu 51	Đồng Nhi	Khu liên hợp (Gò cát)	1,7	1,2	
77	Lái Thiêu 52	Đường 3 tháng 2	Đường Chùa Thới Hưng Tự	1,7	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
78	Lái Thiêu 53	Đường 3 tháng 2	Đông Nhi	1,7	1,2	
79	Lái Thiêu 58	Nguyễn Trãi	Đông Nhi	1,7	1,2	
80	Lái Thiêu 60	Phan Thanh Giãn	Đê bao	1,7	1,2	
81	Lái Thiêu 64	Bình Đức	Cuối hẻm (Lò Vương Phẩm)	1,7	1,3	
82	Lái Thiêu 67	Phan Thanh Giãn	Giáp hẻm cầu Đình	1,7	1,3	
83	Lái Thiêu 69	Lê Văn Duyệt	Chùa Ông Bồn	1,7	1,3	
84	Lái Thiêu 82	Nguyễn Trãi	Cuối hẻm	1,7	1,3	
85	Lái Thiêu 96 (Đường Đình Phú Long)	Cách Mạng Tháng Tám	Đê bao	1,7	1,2	
86	Lái Thiêu 107	Cách Mạng Tháng Tám	Cuối hẻm (Nhà hưu dưỡng)	1,7	1,3	
87	Lái Thiêu 114	Đại lộ Bình Dương	Rạch cầu Miếu	1,7	1,3	
88	Lê Thị Trung (cũ An Phú - Bình Chuẩn)	Thủ Khoa Huân	Đường 22 tháng 12	1,7	1,2	
89	Nguyễn Chí Thanh (Rẫy xe lửa cũ)	Thạnh Bình	Hồ Văn Mên	1,7	1,2	
90	Nguyễn Du (Bình Hòa - An Phú)	Ngã 3 Cửu Long	Công ty Rosun	1,7	1,2	
91	Nguyễn Hữu Cảnh (cũ Bà Rùa)	Thủ Khoa Huân	Đường Nhà thờ Búng	1,7	1,2	
92	Nhánh rẽ Đông Nhi	Đông Nhi	Đại lộ Bình Dương	1,7	1,2	
93	Phó Đức Chính	Hoàng Hoa Thám	Sông Sài Gòn	1,7	1,2	
94	Thạnh Phú - Thạnh Quý	Hồ Văn Mên	Thạnh Quý	1,7	1,2	
95	Thạnh Quý	Cầu Sắt An Thạnh	Hồ Văn Mên	1,7	1,2	
96	Thạnh Quý - Hưng Thọ	Thạnh Quý	Giáp ranh Hưng Định	1,7	1,2	
97	Tổng Đốc Phương	Gia Long	Hoàng Hoa Thám	1,7	1,2	
98	Trương Định (đường vào chùa Thầy Sứ)	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Hữu Cảnh	1,7	1,2	
99	Vựa Bụi	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Búng	1,7	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
100	Đường nội bộ trong các khu thương mại, khu dịch vụ, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư còn lại.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,7	1,3	
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,7	1,3	
<b>E.</b>	<b>Đường loại 5:</b>					
1	An Phú 01	ĐT-743	Bùi Thị Xuân	1,5	1,2	
2	An Phú 02	Trần Quang Diệu	An Phú 09	1,5	1,2	
3	An Phú 03 (cũ Mẫu Giáo)	ĐT-743	Lê Thị Trung	1,5	1,2	
4	An Phú 04 (cũ An Phú 03)	ĐT-743	Lê Thị Trung	1,5	1,2	
5	An Phú 05 (cũ Nhà máy nước)	Bùi Thị Xuân	An Phú 09	1,5	1,2	
6	An Phú 06 (cũ An Phú Bình Hòa)	Ngã 6 An Phú	An Phú 26	1,5	1,2	
		An Phú 26	An Phú 12	1,5	1,2	
7	An Phú 07	Trần Quang Diệu	Ranh An Phú - Tân Đông Hiệp	1,5	1,2	
8	An Phú 09 (Ranh An Phú Tân Bình)	Trần Quang Diệu	Ranh An Phú - Tân Đông Hiệp	1,5	1,2	
9	An Phú 10	ĐT-743	Nguyễn Văn Trỗi	1,5	1,2	
10	An Phú 11	Lê Thị Trung	Thuận An Hòa	1,5	1,2	
11	An Phú 12	An Phú 26	An Phú 06	1,5	1,2	
12	An Phú 13 (cũ Đường vào C.ty Giấy Gia Định)	Lê Thị Trung	Thuận An Hòa	1,5	1,2	
13	An Phú 15 (cũ Nhánh Miếu Nhỏ)	Phan Đình Giót	Công ty Hiệp Long	1,5	1,2	
14	An Phú 17 (cũ Đường vào Đình Vĩnh Phú)	Lê Thị Trung	Từ Văn Phước	1,5	1,2	
15	An Phú 18 (cũ Làng du lịch Sài Gòn)	ĐT-743	Từ Văn Phước	1,5	1,2	
16	An Phú 19 (cũ Ranh An Phú Bình Chuẩn)	ĐT-743	Bùi Thị Xuân	1,5	1,2	
17	An Phú 20	Bùi Thị Xuân	Công ty Hiệp Long	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
18	An Phú 23	Lê Thị Trung	Công ty Phúc Bình Long	1,5	1,2	
19	An Phú 24	Lê Thị Trung	Công ty cơ khí Bình Chuẩn	1,5	1,2	
20	An Phú 25 (cũ Xóm Cóm)	ĐT-743	Trần Quang Diệu	1,5	1,2	
21	An Phú 26 (đường đất Khu phố 2)	An Phú 12	An Phú 06	1,5	1,2	
22	An Phú 27	ĐT-743	KDC An Phú	1,5	1,2	
23	An Phú 28	ĐT-743	An Phú 25	1,5	1,2	
24	An Phú 29 (cũ MaiCo)	Đường 22 tháng 12	Mỹ Phước - Tân Vạn	1,5	1,2	
25	An Phú 30	Đường 22 tháng 12	KDC Việt - Sing	1,5	1,2	
26	An Phú 31	Chu Văn An	An Phú 29	1,5	1,2	
27	An Phú 32	Đường 22 tháng 12	Nhà ông 8 Bê	1,5	1,2	
28	An Phú 33	Chu Văn An	Thuận An Hòa	1,5	1,2	
29	An Phú 34	ĐT-743	KCN VSIP	1,5	1,2	
30	An Thạnh 15	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Bung	1,5	1,2	
31	An Thạnh 26	Hồ Văn Mên	Nhà 8 Hòa	1,5	1,2	
32	An Thạnh 55	Thạnh Bình	Nguyễn Chí Thanh	1,5	1,2	
33	Bể Văn Đàn (Bình Nhâm 01)	Cách Mạng Tháng Tám	Đê bao	1,5	1,2	
34	Bình Chuẩn 01	Nhà Lộc Hải	Út Rê	1,5	1,2	
35	Bình Chuẩn 02	Nhà ông Cảnh	Nhà ông Hậu	1,5	1,2	
36	Bình Chuẩn 03	ĐT-743	Nhà ông 6 Lưới	1,5	1,2	
37	Bình Chuẩn 04	Nhà ông Đồ	Nhà bà Sanh	1,5	1,2	
38	Bình Chuẩn 07	ĐT-743	Nhà ông Hiệu	1,5	1,2	
39	Bình Chuẩn 08	Nhà ông Ná	Nhà ông Hiệu	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
40	Bình Chuẩn 09	Nhà Út Khe	Bình Chuẩn 03	1,5	1,2	
41	Bình Chuẩn 10	Nhà Út Dầy	Bình Chuẩn 16	1,5	1,2	
42	Bình Chuẩn 11	ĐT-746	Nhà ông Hiệu	1,5	1,2	
43	Bình Chuẩn 12	Xí nghiệp Duy Linh	Đất Ba Hòn	1,5	1,2	
44	Bình Chuẩn 13	ĐT-743	Sân bóng xã	1,5	1,2	
45	Bình Chuẩn 14	Nhà ông Trọng	Nhà ông Thạch	1,5	1,2	
46	Bình Chuẩn 15	Nhà bà Hồng	Bình Chuẩn 17	1,5	1,2	
47	Bình Chuẩn 16	Nhà ông Sang	Bình Chuẩn 19	1,5	1,2	
48	Bình Chuẩn 17	Đất ông Minh	Ranh Tân Uyên	1,5	1,2	
49	Bình Chuẩn 18	ĐT-743	Đình Bình Chuẩn	1,5	1,2	
50	Bình Chuẩn 19	Công ty Cao Nguyên	Đường Tổng Cty Becamex	1,5	1,2	
51	Bình Chuẩn 20	ĐT-743	Đất ông Minh	1,5	1,2	
52	Bình Chuẩn 21	ĐT-743	Nhà ông Phúc	1,5	1,2	
53	Bình Chuẩn 22	ĐT-743	Bình Chuẩn 19	1,5	1,2	
54	Bình Chuẩn 23	Nhà ông Đen	Nhà ông Kịch	1,5	1,2	
55	Bình Chuẩn 24	Nhà ông Châu	Nhà ông Mười Chậm	1,5	1,2	
56	Bình Chuẩn 25	ĐT-743	Nhà ông Mung	1,5	1,2	
57	Bình Chuẩn 26	Tiệm sửa xe Hiệp	Nhà ông Chín Thăm	1,5	1,2	
58	Bình Chuẩn 27	Thủ Khoa Huân	Nhà bà Thưng	1,5	1,2	
59	Bình Chuẩn 28	ĐT-743	Đường đất đi An Phú	1,5	1,2	
60	Bình Chuẩn 29	ĐT-743	Nhà bà Hoàng	1,5	1,2	
61	Bình Chuẩn 30	Thủ Khoa Huân	Đường đất đi An Phú	1,5	1,2	
62	Bình Chuẩn 31	ĐT-743	Ranh Tân Uyên	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
63	Bình Chuẩn 32	ĐT-743	Đất ông Vàng	1,5	1,2	
64	Bình Chuẩn 33	ĐT-743	Công ty Trần Đức	1,5	1,2	
65	Bình Chuẩn 34	Nhà ông Đường	Nhà ông 3 Xèo	1,5	1,2	
66	Bình Chuẩn 35	ĐT-743	Đất ông Hát	1,5	1,2	
67	Bình Chuẩn 36	ĐT-743	Bình Chuẩn 67	1,5	1,2	
68	Bình Chuẩn 38	Nhà bà Nội	Xưởng Út Tân	1,5	1,2	
69	Bình Chuẩn 39	ĐT-743	Đất ông Tầu	1,5	1,2	
70	Bình Chuẩn 40	ĐT-743	Công ty Longlin	1,5	1,2	
71	Bình Chuẩn 41	Thủ Khoa Huân	Xí nghiệp Kiến Hưng	1,5	1,2	
72	Bình Chuẩn 42	Bình Chuẩn - Tân Khánh	Công ty Cao Nguyên	1,5	1,2	
73	Bình Chuẩn 43	Bình Chuẩn - Tân Khánh	Giáp Lò ông Trung	1,5	1,2	
74	Bình Chuẩn 44	Bình Chuẩn - Tân Khánh	Lò Gốm ông Phong	1,5	1,2	
75	Bình Chuẩn 45	ĐT-743	Công ty Trung Nam	1,5	1,2	
76	Bình Chuẩn 46	Nhà bà Tý	Nhà bà Mánh	1,5	1,2	
77	Bình Chuẩn 47	Nhà ông Liếp	Nhà bà Mòi	1,5	1,2	
78	Bình Chuẩn 50	Nhà ông Vui	Nhà 8 Mía	1,5	1,2	
79	Bình Chuẩn 53	ĐT-743	Công ty Gia Phát II	1,5	1,2	
80	Bình Chuẩn 54	ĐT-743	Ông Biết	1,5	1,2	
81	Bình Chuẩn 55	Nhà ông Tuấn	Nhà ông Nhiều	1,5	1,2	
82	Bình Chuẩn 59	Nhà ông Phước	Khu Becamex	1,5	1,2	
83	Bình Chuẩn 61	ĐT-743	Công ty Bảo Minh	1,5	1,2	
84	Bình Chuẩn 62	ĐT-743	Công ty Thắng Lợi	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
85	Bình Chuẩn 63	ĐT-743	Giáp đất ông 3 Thưa	1,5	1,2	
86	Bình Chuẩn 64	ĐT-743	Bình Chuẩn 67	1,5	1,2	
87	Bình Chuẩn 65	ĐT-743	Nhà ông Phạm Văn Á	1,5	1,2	
88	Bình Chuẩn 66	ĐT-743B	Đất ông Gấu	1,5	1,2	
89	Bình Chuẩn 67	ĐT-743	Giáp đất ông 3 Thưa	1,5	1,2	
90	Bình Chuẩn 68	ĐT-743	Đất nhà ông Hương	1,5	1,2	
91	Bình Chuẩn 69	Đường đất đi An Phú	Giáp Công ty Hưng Phát	1,5	1,2	
92	Bình Chuẩn 71	Nhà ông Hai	Nhà ông Cỏ	1,5	1,2	
93	Bình Chuẩn 72	ĐT-743	Nhà ông Nô	1,5	1,2	
94	Bình Chuẩn 74	Nhà bà Thủy	Nhà thầy giáo Dân	1,5	1,2	
95	Bình Chuẩn 75	ĐT-746	Bờ hào Sư 7	1,5	1,2	
96	Bình Chuẩn 76	Nhà ông Mên	Nhà Út Nở	1,5	1,2	
97	Bình Chuẩn 77	Nhà ông Hà	Nhà ông Từ Văn Hương	1,5	1,2	
98	Bình Chuẩn 78	Nhà ông Trọng	Nhà ông Bùi Khắc Biết	1,5	1,2	
99	Bình Hòa 01 (Bình Hòa 02)	ĐT-743C	Giáp Bình Chiêu	1,5	1,2	
100	Bình Hòa 02 (Bình Hòa 03)	Đồng An	Bình Hòa 01	1,5	1,2	
101	Bình Hòa 02 nối dài (nhánh)	Bình Hòa 02	Ngã 3 nhà ông Rộng	1,5	1,2	
102	Bình Hòa 03	Bình Hòa 01	Nhà ông Nguyễn Bá Tước	1,5	1,2	
103	Bình Hòa 04 (Nhánh Bình Hòa 02)	Bình Hòa 01	Rạch Cùng	1,5	1,2	
104	Bình Hòa 05	Bình Hòa 01	Rạch Cùng	1,5	1,2	
105	Bình Hòa 06	Đại lộ Bình Dương	Kênh tiêu Bình Hòa	1,5	1,2	
106	Bình Hòa 07	Bùi Hữu Nghĩa	KDC 3/2	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
107	Bình Hòa 08	Bùi Hữu Nghĩa	Kênh tiêu Bình Hòa	1,5	1,2	
108	Bình Hòa 09	ĐT-743C	Đập suối Cát	1,5	1,2	
109	Bình Hòa 10 (Bình Hòa 06)	Đại lộ Bình Dương	Nhà bà Võ Thị Chón	1,5	1,2	
110	Bình Hòa 11 (Bình Hòa 05)	Nguyễn Du	Đại lộ Bình Dương	1,5	1,2	
111	Bình Hòa 12 (Bình Hòa 01)	Nguyễn Du	Đất ông Nguyễn Đăng Long	1,5	1,2	
112	Bình Hòa 13 (Bình Hòa 10)	Bùi Hữu Nghĩa	Đường vào KCN VSIP	1,5	1,2	
113	Bình Hòa 14 (Bình Hòa 11)	Nguyễn Du	KDC Minh Tuấn	1,5	1,2	
114	Bình Hòa 15	Nguyễn Du	Nghĩa địa	1,5	1,2	
115	Bình Hòa 16 (Bình Hòa 12)	Đồng An	XN mì Á Châu	1,5	1,2	
116	Bình Hòa 17 (Bình Hòa 13)	Đồng An	Nhà Ông Tâm	1,5	1,2	
117	Bình Hòa 18 (Bình Hòa 14)	Đồng An	Nghĩa trang	1,5	1,2	
118	Bình Hòa 19 (Bình Hòa 15)	Đồng An	KCN Đồng An	1,5	1,2	
119	Bình Hòa 20 (Bình Hòa 16)	Đồng An	Bình Hòa 19	1,5	1,2	
120	Bình Hòa 21 (Bình Hòa 17)	Đồng An	Nhà ông Phúc	1,5	1,2	
121	Bình Hòa 22 (Bình Hòa 18)	Đồng An	Nhà ông Sơn	1,5	1,2	
122	Bình Hòa 23 (Bình Hòa 19)	Đồng An	Nhà ông 6 Xây	1,5	1,2	
123	Bình Nhâm 02	Cách Mạng Tháng Tám	Đê bao	1,5	1,2	
124	Bình Nhâm 03	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà Tư Thủ	1,5	1,2	
125	Bình Nhâm 04	Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Bà Chiểu	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỬ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
126	Bình Nhâm 05	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà 6 Cheo	1,5	1,2	
127	Bình Nhâm 06	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà Hai Ngang	1,5	1,2	
128	Bình Nhâm 07	Cách Mạng Tháng Tám	Đề bao	1,5	1,2	
129	Bình Nhâm 08	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch bà Đệ	1,5	1,2	
130	Bình Nhâm 09	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà Tư Thẳng	1,5	1,2	
131	Bình Nhâm 10	Cầu Tàu	Bình Nhâm 09	1,5	1,2	
132	Bình Nhâm 11	Cầu Tàu	Bình Nhâm 07, Bình Nhâm 04	1,5	1,2	
133	Bình Nhâm 16	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
134	Bình Nhâm 19	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
135	Bình Nhâm 20	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà cô giáo Trinh	1,5	1,2	
136	Bình Nhâm 21	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà 6 Chi	1,5	1,2	
137	Bình Nhâm 22	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà 7 Tiễn	1,5	1,2	
138	Bình Nhâm 23	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
139	Bình Nhâm 25	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
140	Bình Nhâm 26	Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Năm Tài	1,5	1,2	
141	Bình Nhâm 27	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
142	Bình Nhâm 28	Nguyễn Chí Thanh	Rạch cầu Lớn	1,5	1,2	
143	Bình Nhâm 29	Nguyễn Hữu Cảnh	Nguyễn Chí Thanh	1,5	1,2	
144	Bình Nhâm 31	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
145	Bình Nhâm 34	Rạch cầu lớn	Nguyễn Chí Thanh	1,5	1,2	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)		GHI CHÚ
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
146	Bình Nhâm 40	Nguyễn Hữu Cảnh	Ranh Thuận Giao - Hưng Định	1,5	1,2	
147	Bình Nhâm 46	Cách Mạng Tháng Tám	Nhà Sáng Điếc	1,5	1,2	
148	Bình Nhâm 58	Cây Me	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
149	Bình Nhâm 59	Cây Me	Nhà út Hớ	1,5	1,2	
150	Bình Nhâm 60	Cây Me	Nhà hai Tấn	1,5	1,2	
151	Bình Nhâm 61	Nguyễn Hữu Cảnh	Nhà bà út Gán	1,5	1,2	
152	Bình Nhâm 62	Nguyễn Hữu Cảnh	Nhà Chàng	1,5	1,2	
153	Bình Nhâm 77	Nguyễn Chí Thanh	Nhà Thu	1,5	1,2	
154	Bình Nhâm 79	Nguyễn Chí Thanh	Rạch Cây Nhum	1,5	1,2	
155	Bình Nhâm 81	Cách Mạng Tháng Tám	Đất ông bảy Cừ	1,5	1,2	
156	Bình Nhâm 83	Cách Mạng Tháng Tám	Đê bao	1,5	1,2	
157	Bình Nhâm 86	Cách Mạng Tháng Tám	Đất 2 Gắt	1,5	1,2	
158	Bình Nhâm 88	Phan Thanh Giản	Rạch bà Đệ	1,5	1,2	
159	Bình Nhâm 90	Phan Thanh Giản	Bình Nhâm 83	1,5	1,2	
160	Cầu Tàu	Cách Mạng Tháng Tám	Sông Sài Gòn	1,5	1,2	
161	Cây Me	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Hữu Cảnh	1,5	1,2	
162	Chu Văn An (cũ An Phú 16)	Đường 22 tháng 12	Lê Thị Trung	1,5	1,2	
163	Đường công sau Trường tiểu học Hưng Định	Cổng hai Lịnh	Cổng sau trường học	1,5	1,2	
164	Đường Đê Bao	Ranh Tp. Hồ Chí Minh (Rạch Vĩnh Bình)	Ranh An Sơn - Bình Nhâm	1,5	1,2	
165	Đường vào sân Golf	Đại lộ Bình Dương	Cổng sau sân Golf	1,5	1,2	